TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Thành Sơn

2. Ông Phạm Ngọc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/3/2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1976 (Vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 035….

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 036….

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2019, biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau năm 1997 đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn và đã được UBND xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N thường xuyên ăn nhậu, tham gia vào các tệ nạn xã hội như cờ bạc dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, mỗi lần cãi nhau ông N thường đánh bà bằng tay, bằng cây, có lần dùng kéo đâm bà nhưng không trúng. Do đó, xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn và ngày càng trầm trọng hơn

nên vợ chồng đã thật sự ly thân nhau tháng 10 năm 2014 đến nay, đồng thời giữa bà với ông N không còn liên hệ qua lại với nhau.

Về con: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/01/1998 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 03/11/1999, hiện các con đã trưởng thành và tự lao động, sinh sống được.

Về tài sản và về nợ: Vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Nguyễn Văn N;

- Về quan hệ nuôi con chung: Các con đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa lần hai, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn N vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn N trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về hôn nhân, cho bà Nguyễn Thị M ly hôn ông Nguyễn Văn N; về nuôi con chung, hiện Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/01/1998 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 03/11/1999 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được và nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp, yêu cầu gì nên không xem xét; về tài sản chung và về nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo cho bị đơn ông Nguyễn Văn N biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *"ly hôn"* của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M. Nhưng bị đơn ông N không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông N, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn ông N vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: "*Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn ông Nguyễn Văn N, nhưng bị đơn ông N vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông N, nhưng bị đơn ông N vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn N khi tổ chức hôn nhân, ông bà tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận ký kết hôn vào ngày 21/7/2009. Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông N là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M thấy rằng: Theo bà M trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do ông N thường xuyên ăn nhậu, tham gia vào các tệ nạn xã hội như cờ bạc dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, mỗi lần cãi nhau ông N có đánh bà M nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được và thực tế vợ chồng đã thật sự ly thân nhau một thời gian dài từ năm tháng 10 năm 2014 đến nay, từ khi ly thân đến thời điểm này thì cả hai bên bà M và ông N không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của bà M và ông N là có thật, cụ thể trong quá trình chung sống hai bên nhiều lần cãi vã dẫn đến đánh nhau và hai bên đã thật sự ly thân (Bút lục số 24).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy ông N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mối quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông N không khả N đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Theo bà M, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/01/1998 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 03/11/1999, hiện các con đã trưởng thành và tự lao động, sinh sống được; vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bà M về nuôi con chung, về tài sản chung và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để ông N biết, nhưng đến nay ông N không có ý kiến gì phản bác ý kiến của bà M và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (bà M, ông N) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung, về tài sản chung và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị M ly hôn ông Nguyễn Văn N.

2 - Về nuôi con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Không xem xét.

3 - Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006190 ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 01/8/2019); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Toà án tỉnh KG;*
- *VKS huyện, tỉnh;*
- *Các Đ/s;*
- *UBND xã H;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *Lưu (HSVA, VPTA).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh